

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN G  
TỈNH N**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc Lập – Tự do – Hạnh phúc**

-----  
Bản án số:14/2021/HS-ST  
Ngày 11 tháng 3 năm 2021

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH N**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Q

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Công H, ông Đinh Duy Q.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Thị H- Thư ký Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G, tỉnh N tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn T - Kiểm sát viên.

Trong ngày 11/3/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh N, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 09/2021/TLST-HS, ngày 05/02/2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2021/QĐXXST - HS ngày 25 tháng 02 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Phạm Văn B, tên gọi khác: Không, sinh năm 1969 tại G, G, N

Nơi cư trú: Xóm Hòa Bình, xã G, huyện G, tỉnh N; Dân tộc: Kinh ; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hoá: Lớp 7/10; con ông Phạm Văn N và bà Đặng Thị T, có vợ là Phạm Thị H và 03 con, con lớn nhất sinh năm 1993, con nhỏ nhất sinh năm 2003.

Tiền án, tiền sự: Không

Biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú.

Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam ngày nào

2. Phạm Văn T, tên gọi khác: Không, sinh năm 1977 tại xã G, huyện G, tỉnh N

Nơi cư trú: Xóm Hòa Bình, xã G, huyện G, tỉnh N; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hoá: Lớp 5/12 ; con ông Phạm Văn N và bà Đặng Thị T, có vợ là Vũ Thị H và 04 con, con lớn nhất sinh năm 2003, con nhỏ sinh năm 2020.

Tiền án, tiền sự: Không

Biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú.

Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam ngày nào.

Các bị cáo đều có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Vũ Hồng S, sinh năm 1952. Vắng mặt.

Trú tại: Xóm Nam Hải, xã G, huyện G, tỉnh N

Người làm chứng: Anh Phạm Công L - Vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nhận thấy việc ghi bán số lô, số đề trái phép cho khách mang lại lợi nhuận cao, nên từ giữa tháng 12 năm 2020, Phạm Văn B đã trực tiếp ghi bán số lô, số đề cho khách để kiếm lời. Hàng ngày, B trực tiếp ghi hoặc sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu SYMPHONY, lắp số thuê bao 0359.296.025 để nhận số lô, số đề do người chơi gửi đến, tại nhà ở của mình ở xóm Hòa Bình, xã G, huyện G, tỉnh N, sau đó tự tổng hợp lại và thanh toán tiền thắng, thua với người chơi vào ngày hôm sau.

Cách thức chơi số lô, số đề như sau: Đối với số đề 02 số người chơi sẽ bỏ ra một số tiền để mua 02 con số từ 00 - 99, nếu 02 con số đó trùng với 02 số cuối của giải đặc biệt kết quả xổ số miền Bắc mở thưởng trong ngày thì người chơi trúng đề và được hưởng 70 lần số tiền mà họ bỏ ra để mua số đề. Đối với số lô Hà Nội thì mỗi điểm lô người chơi phải bỏ ra 23.000 đồng để mua 02 số; người trúng lô là người chơi có số lô trùng với 02 số cuối của 27 giải theo kết quả xổ số kiến thiết miền Bắc mở thưởng trong ngày, mỗi điểm lô mà người chơi trúng số lô sẽ được hưởng 80.000 đồng (*không giới hạn số lần trúng thưởng*).

Khoảng 13 giờ ngày 17/12/2020, Phạm Văn T, sinh năm 1977, trú tại xóm Hòa Bình, xã G, huyện G, tỉnh N (*là em ruột của B*), đi bộ từ nhà đến nhà B, đưa cho B 01 tờ giấy ô ly, trong tờ giấy ghi các số lô, số đề và giá tiền, với mục đích mua các số lô, số đề của B với tổng số tiền là 2.491.000 đồng. B đã ghi các số lô, số đề T mua ra 01 bảng tổng hợp, T đưa cho B số tiền 2.491.000 đồng và ra về. Khoảng 18 giờ 03 phút cùng ngày, B sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu SYMPHONY, lắp số thuê bao 0359.296.025 gửi tin nhắn đến số thuê bao 0355.762.728 của T, với nội dung cụ thể: Lô 36, 63, 53, 35 mỗi số lô 02 điểm; Lô 45, 54, 88 mỗi số lô 05 điểm; Lô 05 x 10 điểm; Lô 68 x 20 điểm; Lô 36, 63 mỗi số lô 10 điểm; Lô 76, 67 mỗi số lô 02 điểm; Đề 58, 22, 33 mỗi số đề 10.000 đồng; Đề 11 x 5.000 đồng; Đề 86, 87, 88 mỗi số đề 10.000 đồng; Đề 86, 68 mỗi số đề 50.000 đồng; Đề 33 x 50.000 đồng; Đề 55, 88 mỗi số đề 20.000 đồng; Đề 08 x 5.000 đồng; Đề 86, 68, 47, 78, 87, 77, 88 mỗi số đề 10.000 đồng; Đề 99 x 60.000 đồng; Đề 74 x 20.000 đồng; Đề 04, 07, 38, 98 mỗi số đề 10.000 đồng; Đề 43, 34 mỗi số đề 5.000 đồng; Tổng 3 x 5, tức là 10 số đề 03, 30, 12, 21, 49, 94, 58, 85, 67, 76 mỗi số đề 5.000 đồng; Kép 20, tức là 10 số đề 00, 11, 22, 33, 44, 55, 66, 77, 88, 99 mỗi số đề 20.000 đồng; Xiên 28, 88, 55 là số lô xiên 3 với giá 10.000 đồng. Nhằm mục đích để T xác nhận lại các số lô, số đề đã mua của B. Lúc 18 giờ 05 phút T nhắn tin lại cho B: “OK”. Đối chiếu với kết quả xổ số kiến thiết miền Bắc mở thưởng trong ngày, T trúng thưởng các số lô: 45, 54, 88 mỗi số lô 05 điểm, thành tiền là 1.200.000 đồng; số lô 68 trúng thưởng 20 điểm, thành tiền là 1.600.000 đồng; số lô 35 trúng thưởng 02 điểm, thành tiền là 160.000 đồng. Như vậy, số tiền B và T sử dụng để đánh bạc ngày 17/12/2020 là 5.451.000 đồng, B và T đã thanh toán số tiền thắng thua với nhau.

Khoảng 16 giờ 45 phút ngày 22/12/2020, Vũ Hồng S, sinh năm 1952, trú tại xóm Nam Hải, xã G, huyện G, tỉnh N đến nhà hỏi mua của B các số đề, B đồng ý bán các số đề đầu 0 (*gồm có 10 số đề: 00, 01, 02, 03, 04, 05, 06, 07, 08, 09*) mỗi số

đề mua với số tiền 15.000 đồng và các số đề 3 số 358, 365 mỗi số đề mua với số tiền 5.000 đồng. B ghi các số đề bán cho Vũ Hồng S vào quyển sổ giấy kẻ ngang, trên bìa có chữ “GIÁO ÁN”, S trả tiền mua số đề cho B 160.000 đồng, khi B đang ghi các số đề ra 1 tờ giấy nhỏ có kích thước (7 x 10) cm để đưa cho S thì bị Tổ công tác Công an huyện G phối hợp cùng Công an xã G tuần tra kiểm soát, đảm bảo an ninh trật tự trên địa bàn phát hiện.

Thu tại nơi bán số lô, số đề gồm: 01 bảng tổng hợp số lô, số đề ngày 22/12/2020 với tổng số tiền ghi là 2.069.000 đồng, trong quyển sổ, trên bìa ghi chữ “GIÁO ÁN” có kích thước (20 x 27) cm; 01 tập giấy có kích thước (7 x 10) cm, dùng làm cap đề ghi cho khách, bìa màu hồng bên trong ghi chữ và số, tờ đầu tiên ghi “ngày 22/12/2020”, số đề “đầu 0 x 10”; 01 quyển sổ bìa màu trắng có kích thước (16 x 24) cm; 01 quyển vở học sinh bìa màu xanh kích thước (17 x 24,5) cm; 01 bút bi mực màu xanh và 01 điện thoại di động nhãn hiệu SYMPHONY. Thu trong người B số tiền 1.440.000 đồng; 01 bảng tổng hợp số lô, số đề ngày 21/12/2020 có kích thước (20 x 27) cm; 03 tờ giấy có kích thước (7 x 10) cm (là cap đề) được đánh số thứ tự từ 1 đến 3. Thu giữ trong người Vũ Hồng S 01 ví giả da màu đen bên trong có số tiền 990.000 đồng.

Kiểm tra điện thoại thu giữ của B phát hiện phần tin nhắn điện thoại chứa nội dung mua, bán số lô, số đề giữa B và T ngày 17/12/2020.

Viện kiểm sát nhân dân huyện G đã ra quyết định chuyển số tiền 1.440.000 đồng trên đến tài khoản tạm giữ của Chi cục thi hành án dân sự huyện G, chuyển 01 điện thoại di động nhãn hiệu SYMPHONY, loại bàn phím; 01 bút bi mực màu xanh, đã qua sử dụng đến kho vật chứng của Chi cục thi hành án dân sự huyện G.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G đã trả lại cho Vũ Hồng S 01 chiếc ví giả da màu đen và số tiền 990.000 đồng; trả lại cho Phạm Văn B 01 quyển sổ bìa màu trắng có kích thước (16 x 24)cm; 01 quyển vở học sinh bìa màu xanh kích thước (17 x 24,5)cm

Quá trình điều tra vụ án, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi như đã nêu trên.

Tại Bản cáo trạng số 13/CT- VKS- GV, ngày 03/02/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện G đã truy tố các bị cáo Phạm Văn B, Phạm Văn T ra trước Tòa án nhân dân huyện G để xét xử về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự. Quá trình điều tra vụ án và tại phiên tòa các bị cáo không ai có ý kiến khiếu nại gì về Bản cáo trạng.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố như Bản cáo trạng đã nêu, sau khi luận tội đã đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Phạm Văn B, Phạm Văn T phạm tội “Đánh bạc”. Áp dụng khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 47 Bộ luật Hình sự (BLHS), Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự (BLTTHS) đối với cả hai bị cáo. Xử phạt bị cáo Phạm Văn B từ 24.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng. Xử phạt bị cáo Phạm Văn T từ 21.000.000 đồng đến 22.000.000 đồng; Tịch thu, tiêu hủy 01 bút bi mực màu xanh, đã qua sử dụng. Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước số tiền 1.440.000 đồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu SYMPHONY, loại bàn phím; Truy thu của bị cáo Phạm Văn B số tiền 2.491.000 đồng, của bị cáo Phạm Văn T số tiền 2.960.000 đồng để nộp ngân sách Nhà nước.

Tại phiên tòa các bị cáo nhận tội và không có ý kiến tranh luận gì. Được nói lời sau cùng, các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định vụ án như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện G, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện G, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự (BLTTHS). Quá trình điều tra vụ án và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Phân tích những chứng cứ xác định có tội: Tại phiên tòa các bị cáo hoàn toàn nhận tội. Lời nhận tội của các bị cáo cùng các chứng cứ khác thể hiện: Xuất phát từ việc Phạm Văn B thấy việc ghi số lô, số đề mang lại lợi nhuận cao, nên đã nảy sinh việc mua bán số lô, số đề với những người chơi để kiếm lợi. Hình thức, cách thức chơi số lô, số đề đúng như Bản cáo trạng đã mô tả nêu trên.

Khoảng 16 giờ 45 phút ngày 22/12/2020, Phạm Văn B đã ghi bán số đề cho Vũ Hồng S (gồm có 10 số đề: 00, 01, 02, 03, 04, 05, 06, 07, 08, 09) mỗi số đề mua với số tiền 15.000 đồng và các số đề 3 số 358, 365 mỗi số đề mua với số tiền 5.000 đồng. B ghi các số đề bán cho Vũ Hồng S vào quyển sổ giấy kẻ ngang, trên bìa có chữ “GIÁO ÁN”, S trả tiền mua số đề cho B 160.000 đồng, khi B đang ghi các số đề ra 1 tờ giấy nhỏ có kích thước (7 x 10) cm để đưa cho S thì bị Tổ công tác Công an huyện G phối hợp cùng Công an xã G phát hiện bắt quả tang. Mở rộng điều tra, xác định ngày 17/12/2020, Phạm Văn B đã ghi bán số lô, số đề cho Phạm Văn T, với tổng số tiền là 2.491.000 đồng với các cặp số lô, số đề đúng như Bản cáo trạng đã mô tả nêu trên. Đối chiếu với kết quả xổ số kiến thiết miền Bắc mở thưởng trong ngày, T trúng thưởng các số lô: 45, 54, 88 mỗi số lô 05 điểm, thành tiền là 1.200.000 đồng; số lô 68 trúng thưởng 20 điểm, thành tiền là 1.600.000 đồng; số lô 35 trúng thưởng 02 điểm, thành tiền là 160.000 đồng. Như vậy, số tiền B và T sử dụng để đánh bạc ngày 17/12/2020 là 5.451.000 đồng như Bản cáo trạng đã truy tố là có căn cứ. Lời nhận tội của các bị cáo là phù hợp với nhau, với các vật chứng thu giữ và phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên có đủ căn cứ xác định hành vi của các bị cáo đã phạm tội “Đánh bạc”. Căn cứ vào tính chất, mức độ, nhân thân của các bị cáo và số tiền các bị cáo đã sử dụng vào việc đánh bạc, Viện kiểm sát nhân dân huyện G truy tố các bị cáo theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[3] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự công cộng, an toàn công cộng được pháp luật bảo vệ.

[4] Các bị cáo đều là người đã thành niên nhưng không chịu rèn luyện, tu chí làm ăn chân chính. Chỉ vì mong muốn kiếm tiền bất chính dẫn đến phạm tội.

[5] Về vai trò: Bị cáo B là người chủ mưu, khởi xướng rủ rê bị cáo T ghi số lô, số đề nên giữ vai trò đầu, Bị cáo T giữ vai trò thứ hai trong vụ án.

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, đều có nhân thân tốt.

[7] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều thành khẩn khai báo, tỏ rõ sự ăn năn hối cải, đều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo các điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS.

Trên cơ sở tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xét các bị cáo đều có nhiều tình tiết giảm nhẹ, đều có nơi cư trú rõ ràng nên không cần phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà chỉ cần phạt tiền cũng đủ để cải tạo các bị cáo thành người tốt và đảm bảo tính răn đe, giáo dục phòng ngừa chung. Xét về vai trò thì bị cáo B chịu hình phạt cao hơn là phù hợp.

[8] Về hình phạt bổ sung: Xét các bị cáo đã bị phạt tiền là hình phạt chính nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo là phù hợp.

[9] Về xử lý vật chứng: Đối với số tiền 1.440.000 đồng thu giữ trong người của B, là tiền B bán số lô, số đề mà có; 01 điện thoại di động nhãn hiệu SYMPHONY, loại bàn phím, là công cụ B sử dụng vào việc phạm tội, cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước; 01 bút bi mực màu xanh, đã qua sử dụng, là công cụ sử dụng vào việc phạm tội và không còn giá trị sử dụng, cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với số tiền bị cáo B chiếm hưởng khi đánh bạc tổng cộng là 2.491.000 đồng; số tiền bị cáo T chiếm hưởng khi tham gia đánh bạc tổng cộng là 2.960.000 đồng cần truy thu để nộp ngân sách Nhà nước.

Đối với 01 bảng tổng hợp số lô, số đề ngày 22/12/2020, trong quyển sổ, trên bìa ghi chữ “GIÁO ÁN” có kích thước (20 x 27) cm; 01 tập giấy có kích thước (7 x 10) cm, dùng làm cặp đề ghi cho khách, bìa màu hồng; 01 bảng tổng hợp số lô, số đề ngày 21/12/2020 có kích thước (20 x 27) cm; 03 tờ giấy có kích thước (7 x 10) cm (là cặp đề) được đánh số thứ tự từ 1 đến 3. Đây là công cụ sử dụng vào việc phạm tội, và là tài liệu chứng minh tội phạm. Do đó cần lưu giữ trong hồ sơ vụ án.

Đối với 01 chiếc ví giả da màu đen bên trong có số tiền 990.000 đồng thu giữ của Vũ Hồng S. Quá trình điều tra xác định Vũ Hồng S không sử dụng vào việc đánh bạc nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G đã trả lại cho S là phù hợp.

Đối với 01 quyển sổ bìa màu trắng có kích thước (16 x 24)cm; 01 quyển vở học sinh bìa màu xanh kích thước (17 x 24,5)cm. Quá trình điều tra xác định 02 quyển sổ trên không liên quan đến hành vi đánh bạc và thuộc quyền sở hữu của Phạm Văn B. Cơ quan CSĐT Công an huyện G đã trả lại cho B là phù hợp

Đối với 01 tờ giấy ô ly chứa các số lô, số đề T đưa cho B và 01 bảng tổng hợp số lô, số đề ngày 17/12/2020. Phạm Văn B khai sau khi đối chiếu và thanh toán thắng thua với khách B đã tiêu hủy. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G không có căn cứ để truy tìm, nên không có căn cứ để xử lý.

Đối với 01 điện thoại di động đen, trắng, loại bàn phím của T sử dụng để mua số lô, số đề của B ngày 17/12/2020, trưa ngày 23/12/2020 T đã vứt bỏ chiếc

điện thoại xuống bể xả sông Hoàng Long thuộc địa phận xã G, huyện G, tỉnh N. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G đã tiến hành truy tìm nhưng không tìm thấy. Do đó, không có căn cứ để xử lý đối với điện thoại nêu trên.

Đối với hành vi đánh bạc ngày 22/12/2020 của Phạm Văn B với Vũ Hồng S và người qua đường khác, với tổng số tiền sử dụng vào việc đánh bạc là 2.069.000 đồng. Trước khi phạm tội bản thân B và S chưa có tiền án, tiền sự về tội: “Đánh bạc”, tội: “Tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc”, nên hành vi nêu trên của B và S chưa đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc”. Vì vậy, Công an huyện G ra quyết định xử phạt hành chính (*phạt tiền*) đối với Phạm Văn B và Vũ Hồng S. Đồng thời truy thu số tiền 629.000 đồng của Phạm Văn B, là thỏa đáng

[10] Về án phí: Các bị cáo phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

[11] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người tham gia tố tụng khác có quyền kháng cáo Bản án theo luật định.

**Vì các lẽ trên:**

## **QUYẾT ĐỊNH**

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Tuyên bố: Các bị cáo Phạm Văn B, Phạm Văn T phạm tội “Đánh bạc”.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn B 23.000.000 đồng (Hai mươi ba triệu đồng).

Xử phạt bị cáo Phạm Văn T 21. 000.000 đồng (Hai mươi một triệu đồng).

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 BLHS; Điều 106 BLTTHS.

- Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước số tiền 1.440.000 đồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu SYMPHONY, loại bàn phím.

- Truy thu của bị cáo Phạm Văn B số tiền 2.491.000 đồng (Hai triệu B trăm chín mươi một nghìn đồng), của bị cáo Phạm Văn T số tiền 2.960.000 đồng (Hai triệu chín trăm sáu mươi nghìn đồng) để nộp ngân sách Nhà nước.

- Tịch thu, tiêu hủy 01 bút bi mực màu xanh, đã qua sử dụng (Đặc điểm chi tiết như biên bản giao nhận vật chứng giữa cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G với Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, ngày 04/02/2021).

3. Về án phí: Áp dụng Điều 136 BLTTHS và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo Phạm Văn B, Phạm Văn T mỗi người phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Người phải thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, các bị cáo có mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh N;
  - VKSND tỉnh N;
  - VKSND huyện G;
  - Công an huyện G;
  - Chi cục THADS huyện G;
  - Bị cáo, người tham gia tố tụng khác;
  - Lưu HS, VP;
- (Thông báo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**NGUYỄN HỮU Q**